

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 15/1/2024 - 19/1/2024

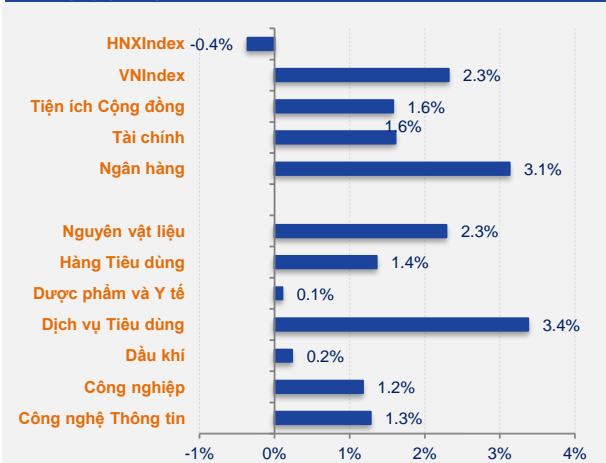
THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,181.50 ↑	2.3%	229.48 ↓	-0.4%
KLGD (trCP)	3,006.60 ↓	-31.6%	320.04 ↓	-29.6%
GTGD (tỷ VND)	70,348.26 ↓	-28.4%	5,839.91 ↓	-35.8%
Tổng cung (trCP)	7,809.52 ↓	-19.0%	641.37 ↓	-18.8%
Tổng cầu (trCP)	7,284.41 ↓	-25.8%	511.23 ↓	-22.0%

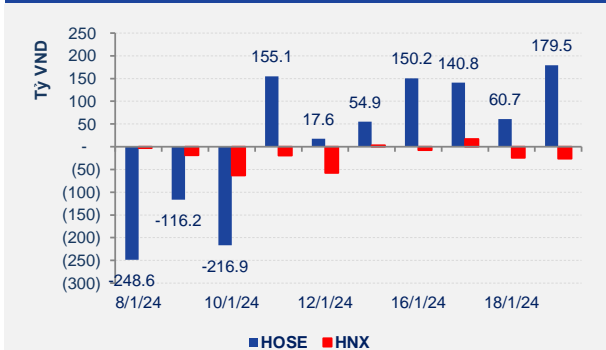
Giao dịch NĐT nước ngoài

KL mua (trCP)	173.10 ↓	-21.1%	6.08 ↓	-2.7%
KL bán (trCP)	153.53 ↓	-27.7%	5.30 ↓	-68.7%
GT mua (tỷ VND)	5,922.21 ↓	-3.8%	112.15 ↓	-50.4%
GT bán (tỷ VND)	5,336.03 ↓	-18.8%	150.86 ↓	-61.1%

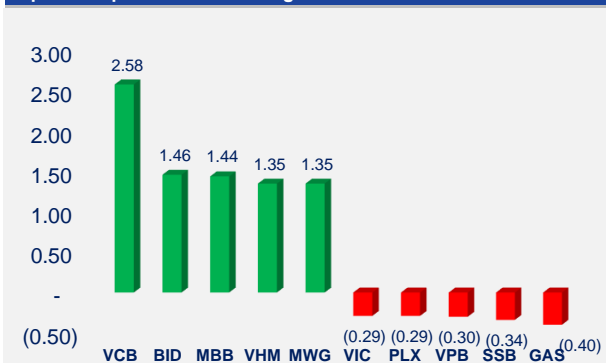
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau tuần giao dịch điều chỉnh kiểm tra lại vùng giá hỗ trợ quanh 1.150 điểm, tương ứng với đường giá trung bình MA200 tuần. VN-INDEX đã có tuần giao dịch rất tích cực dưới ảnh hưởng của các đạo luật quan trọng là Luật Đất đai (sửa đổi) và Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) được thông qua. VN-INDEX tăng điểm trong hầu hết các phiên trong tuần, kết tuần ở mức 1.181,50 điểm tăng 2,32% so với tuần trước với ảnh hưởng tích cực đến từ nhóm cổ phiếu ngân hàng. HNX-INDEX kém tích cực hơn khi giảm 0,36% so với tuần trước về mức 229,48 điểm.

Trong tuần thanh khoản trên HOSE đạt 70.340,05 tỉ đồng, giảm khá mạnh 28,4% so với tuần trước, dưới vượt mức trung bình. Trong đó thanh khoản giảm mạnh hơn 31,6%. HNX-INDEX thanh khoản giảm mạnh hơn 35,8% với 5.839,91 tỉ đồng được giao dịch. Thể hiện mức độ phân hóa mạnh và xu hướng tăng giá tích cực chủ yếu chỉ tập trung vào số ít mã và nhóm ngân hàng. Nhà đầu tư nước ngoài sau 02 tuần bán ròng đã gia tăng giao dịch và mua ròng trở lại khá tốt ở nhóm ngân hàng, bán lẻ, thép...; tiếp tục bán ròng trên HNX với giá trị 38,71 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận nhiều thông tin trong tuần như: Trung Quốc công bố GDP quý 4/2023 tăng trưởng 5,2%, thấp hơn mức dự báo 5,3%. Kỳ họp bất thường lần thứ 5, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Đất đai (sửa đổi) và Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi). Luật Đất đai (sửa đổi) với rất nhiều nội dung mới sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-2025, ngoại trừ Điều 190 và Điều 248 có hiệu lực thi hành từ ngày 1-4-2024 và Khoản 9 Điều 60 có hiệu lực thi hành từ ngày Nghị quyết số 61/2022/QH15 hết hiệu lực thi hành. Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2024, trừ Khoản 3 Điều 200 và khoản 15 Điều 210 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng với ảnh hưởng tích cực từ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng giao từ đầu năm và Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) được thông qua là tâm điểm của thị trường trong tuần khi nhiều mã tiếp tục tăng giá mạnh, thanh khoản đột biến và tập trung vào nhóm ngân hàng lớn và các ngân hàng có kết quả kinh doanh quý IV/2023 tăng trưởng mạnh, nổi bật như BID (+8,37%), LPB (+4,82%), VCB (+4,40%), CTG (+3,49%), MBB (+3,28%)... ngoài các ngân hàng chịu áp lực điều chỉnh KLB (-4,72%), ABB (-2,35%), SGB (-1,52%)....

Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán phân hóa mạnh với thanh khoản khá đột biến khi nhiều mã bắt đầu công bố báo cáo tài chính quý IV/2023, nổi bật với TVB (+14,90%), BSI (+10,11%), DSC (+6,77%), FTS (+2,50%).... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh mạnh như BMS (-6,19%), PSI (-3,33%)...

Các cổ phiếu bất động sản, khu công nghiệp cũng có diễn biến khá nổi bật trong tuần khi Luật đất đai (sửa đổi) được thông qua khi đa số tang điểm tốt, thanh khoản gia tăng đột biến ở nhiều mã như NLG (+7,14%), SZC (+6,41%), NDN (+6,12%), TIP (+5,31%), KDH (+5,02%)... Trong khi đó đa số các nhóm ngành khác biến động trong biên độ hẹp, phân hóa với thanh khoản suy giảm.

Trên thị trường phái sinh, thị trường đã chuyển sang giao dịch trên kỳ hạn chính VN30F2402, kết tuần ở mức 1.190 điểm, chênh lệch dương 4,77 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch dưới mức trung bình. VN30F2402 duy trì xu hướng tăng trưởng ngắn hạn 1.175 điểm - 1.180 điểm, vùng kháng cự tâm lý 1.200 điểm. Các kỳ hạn VN30F2403, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 2,77 điểm đến - 5,23 điểm so với VN30. Thể hiện các trader vẫn rất lạc quan về xu hướng tăng của VN30, ưu tiên vị thế mua ngắn hạn và đang phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở kỳ hạn lớn khi ngắn hạn VN30 đang trong vào vùng quá mua.



WEEKLY WRAP

Tuần GD: 15/1/2024 - 19/1/2024

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Tuần qua thị trường bùng nổ tăng khá mạnh sau tuần trước đi ngang, 2 phiên tăng cuối tuần xác nhận Vn-Index hình thành nhịp tăng ngắn hạn mới đúng như chúng tôi dự báo. Kết tuần Vn-Index tăng +26,8 điểm (+2,33%) và đóng cửa ở 1.181,5 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, thị trường vận động tích cực và đã hình thành nhịp tăng ngắn hạn mới đúng như chúng tôi đã phân tích và dự báo, tuy nhiên Vn-Index sẽ sớm gặp cản tâm lý 1.200 điểm và có thể có rung lắc, cản mạnh thực sự của nhịp tăng ngắn hạn sẽ là cản trên của kênh tích lũy trung hạn quanh vùng 1.250 điểm.

Về góc nhìn trung hạn, chúng tôi duy trì quan điểm sau giai đoạn hồi mạnh thị trường đang trong giai đoạn hình thành nền tích lũy mới và chúng tôi kỳ vọng sẽ trong vùng 1.150 điểm - 1.250 điểm, với biên độ dao động rộng nên thời gian hình thành nền mới sẽ kéo dài.

Tình hình vĩ mô trong nước hiện tại vẫn ổn định và các Luật sửa đổi mới ban hành sẽ cần thêm các văn bản hướng dẫn chi tiết cũng như thời gian để đi vào thực tế và đánh giá tính hiệu quả. Vì thế xét trên quan điểm trung hạn việc thị trường hướng tới vận động tìm điểm cân bằng lại để tích lũy là phù hợp.

Thị trường đã hình thành nhịp tăng ngắn hạn mới đúng như chúng tôi dự báo. Nhà đầu tư ngắn hạn đã mua vào ở các phiên trước như chúng tôi đã khuyến nghị nên tiếp tục nắm giữ danh mục, hạn chế mua đuổi gia tăng tỷ trọng khi Vn-Index đang dần tiệm cận ngưỡng cản tâm lý 1.200 điểm. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang dần củng cố và hình thành nền tăng tích lũy nhưng quá trình này sẽ kéo dài, nhà đầu tư trung dài hạn hoàn toàn có thể giải ngân nhưng với quan điểm mua tích lũy dần vì thời điểm hình thành uptrend mới sẽ còn khá dài.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



WEEKLY WRAP

Tuần GD: 15/1/2024 - 19/1/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DPM	33.05	31-33	38-39	29	8.2	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
DRC	28.00	25-26.3	29.5-30.5	23	14.2	-17.0%	-1.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
11/1/2023	BVS	25.70	22.3	28-28.5	25	15.2%	Nắm giữ
11/8/2023	PHR	48.95	45.1	52-53	48	8.5%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	27.35	27.55	30-31	26.5	-0.7%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.65	18.09	23-24	19	8.6%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Hoàn thành nghị định quy định về tăng lương tối thiểu vùng trong tháng 5/2024

Hội đồng Tiền lương Quốc gia thống nhất khuyến nghị với Chính phủ phương án tăng lương tối thiểu vùng thêm 6%, áp dụng từ ngày 1/7/2024. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoàn thành nghị định quy định mức lương tối thiểu này ngay trong tháng 5 năm nay... Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Chính phủ giao Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trong tháng 5/2024 hoàn thiện Nghị định quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Chính thức có lộ trình siết tỷ lệ cấp tín dụng với khách hàng lớn

"Room" tín dụng cấp cho một khách hàng và người liên quan tại ngân hàng sẽ giảm dần trong 5 năm. Ngày 18/1, Quốc hội khóa XV đã biểu quyết thông qua dự án Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) với tỷ lệ 91,28% tổng số đại biểu tán thành. Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) có nhiều nội dung thay đổi trong đó siết giới hạn cấp tín dụng. Như vậy, tỷ lệ tối đa cấp tín dụng/vốn tự có với một khách hàng tại ngân hàng sẽ giảm dần từ 15% về 10% trong 5 năm (đến 2029). Tỷ lệ tối đa cấp tín dụng/vốn tự có đối với một khách hàng và người liên quan sẽ giảm dần từ 25% về 15% trong 5 năm (đến 2029). Năm đầu tiên Luật có hiệu lực thi hành (1/1/2025-31/12/2025) sẽ áp dụng: Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 14% vốn tự có của ngân hàng thương mại;..

Quốc hội Mỹ thông qua dự luật chi tiêu tạm thời, chính phủ lại thoát cảnh đóng cửa

Chính phủ Mỹ đã thoát nguy cơ phải đóng cửa một phần vào cuối tuần này sau khi Hạ viện và Thượng viện chính thức thông qua dự luật chi tiêu tạm thời. Theo đưa tin từ Bloomberg, Quốc hội Mỹ đã thông qua dự luật chi tiêu tạm thời nhằm ngăn chính phủ đóng cửa một phần vào cuối tuần này. Dự luật đang trên đường tới Nhà Trắng, chờ chữ ký của Tổng thống Joe Biden. Dự luật mới sẽ tài trợ ngân sách cho một số cơ quan chính phủ cho đến ngày 1/3 và một số khác đến ngày 8/3. Nếu không có dự luật, các cơ quan này sẽ cạn tiền sau ngày 19/1.

Nhà cung cấp Apple xây nhà máy 280 triệu USD tại Việt Nam

Nhà cung cấp Goertek của Apple dự kiến sẽ thành lập công ty con 100% vốn sở hữu nước ngoài và xây nhà máy tại tỉnh Bắc Ninh. Hôm 16/1, nhà cung cấp Apple là Goertek cho biết họ sẽ đầu tư 280 triệu USD thành lập một công ty con tại Việt Nam nhằm đáp ứng nhu cầu "mở rộng kinh doanh và hoạt động lâu dài", theo tờ South China Morning Post. Công ty con của Goertek tại Việt Nam sẽ sản xuất các sản phẩm điện tử tiêu dùng, từ AirPods và smartwatch đến thiết bị thực tế ảo và thực tế tăng cường. Đây là một dự án đáp ứng cả kế hoạch phát triển tương lai của nhà lắp ráp Trung Quốc cũng như cầu của khách hàng, theo hồ sơ nộp lên Sở giao dịch chứng khoán Thẩm Quyển.

TIN DOANH NGHIỆP

Chứng khoán HSC (HCM) báo lãi 842 tỷ đồng năm 2023, dư nợ margin tăng mạnh

Công ty cổ phần Chứng khoán TP.HCM (HSC, mã chứng khoán HOSE: HCM) công bố lợi nhuận trước thuế quý IV/2023 đạt 225 tỷ đồng, tăng 41% so với cùng kỳ năm 2022. Theo đó, lợi nhuận trước thuế quý IV/2023 đạt 225 tỷ đồng, tăng 41% so với cùng kỳ năm 2022. Lũy kế cả năm 2023, HSC ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 842 tỷ đồng, hoàn thành 93% kế hoạch. Trong bối cảnh biến động của thị trường, HSC vẫn duy trì ổn định các hoạt động kinh doanh và ghi nhận kết quả khả quan. Doanh thu quý IV/2023 đạt 601 tỷ đồng, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2022. Lũy kế cả năm 2023, doanh thu Công ty đạt hơn 2.255 tỷ đồng, hoàn thành 96% kế hoạch.

Năm 2023, FPT đạt 9.203 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế

Tập đoàn FPT cho biết, năm 2023 ghi nhận doanh thu 52.618 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 9.203 tỷ đồng, lần lượt tăng 19,6% và 20,1% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, FPT đã hoàn thành 101% kế hoạch doanh thu và 102% kế hoạch lợi nhuận đã đề ra tại Đại hội đồng Cổ đông. Lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ đạt 6.470 tỷ đồng, tăng trưởng 21,8%, EPS (Earning Per Share) đạt 4.666 đồng/cổ phiếu, tăng trưởng 21,3% so với năm trước. Khối Công nghệ (bao gồm Dịch vụ CNTT trong nước và Dịch vụ CNTT nước ngoài) tiếp tục giữ vai trò chủ chốt, đóng góp 60% doanh thu và 45% lợi nhuận trước thuế của toàn Tập đoàn, tương đương 31.449 tỷ đồng và 4.161 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 22,1% và 23,6% so với cùng kỳ năm trước.

NVL nâng giá chuyển đổi lô trái phiếu quốc tế 300 triệu USD lên 77,000 đồng/cp

CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (HOSE: NVL) tiếp tục có động thái điều chỉnh giá chuyển đổi của gói trái phiếu chuyển đổi trị giá 300 triệu USD niêm yết tại Singapore dù mới đạt được thỏa thuận với trái chủ vào giữa tháng 12/2023. Theo Nghị quyết HĐQT của Công ty, giá chuyển đổi của lô trái phiếu quốc tế 300 triệu USD là 77,000 đồng/cp, tương đương tỷ giá cố định tại thời điểm chuyển đổi là 23,012 VND/USD. Tỷ lệ chuyển đổi mới sẽ là 59,771 cổ phiếu/trái phiếu. Được biết hồi giữa tháng 12/2023, NVL và các trái chủ đã đồng ý sửa đổi và bổ sung điều khoản trong hợp đồng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện giao dịch trái phiếu chuyển đổi.

Mộc Châu Milk lãi kỷ lục trước thềm chuyển sàn HOSE

Hơn 3 năm về tay Vinamilk, hiệu quả kinh doanh của Mộc Châu Milk cải thiện rõ rệt. Năm 2023, Công ty đã phá kỷ lục lợi nhuận đạt được của năm 2022. Đây là bước đệm khá vững chắc trong hành trình đưa cổ phiếu MCM lên sàn HOSE. CTCP Giống bò sữa Mộc Châu (Mộc Châu Milk, UPCoM: MCM) công bố BCTC quý 4/2023, với doanh thu thuần gần 795 tỷ đồng, tăng nhẹ 1% so với cùng kỳ. Biên lãi gộp cải thiện 1 điểm % lên 33%, giúp lãi gộp đạt 262 tỷ đồng, tăng 3%. Sau cùng, lãi sau thuế quý 4 của MCM đạt hơn 85 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ. Dù vậy, đây là quý có lãi thấp nhất trong năm 2023 của Công ty này.



HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MWG	12,234,443	VRE	(11,172,835)
2	STB	9,130,028	FUEVFNVD	(6,112,850)
3	VPB	8,440,178	LPB	(5,896,401)
4	HPG	7,452,691	SSI	(5,103,449)
5	VCG	4,156,700	HDG	(4,575,000)

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DL1	2,377,600	PVS	(2,061,878)
2	SHS	787,296	CEO	(453,400)
3	IDC	756,500	TNG	(239,100)
4	MBG	299,800	NVB	(151,335)
5	MBS	124,715	TIG	(119,759)

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	12.30	12.15	↓ -1.22%	186,676,890
VIX	16.95	17.35	↑ 2.36%	137,529,600
MBB	21.35	22.05	↑ 3.28%	110,899,380
SSI	33.85	33.70	↓ -0.44%	104,987,202
EIB	19.75	19.85	↑ 0.51%	87,157,400

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.40	18.40	⇒ 0.00%	79,308,064
CEO	22.00	21.80	↓ -0.91%	30,262,183
HUT	20.20	19.60	↓ -2.97%	23,788,978
MBS	23.20	23.40	↑ 0.86%	22,245,384
MBG	5.00	5.00	⇒ 0.00%	18,138,306

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HNA	18.50	22.30	3.8	↑ 20.54%
HBC	7.78	9.28	1.5	↑ 19.28%
VFG	35.60	41.15	5.6	↑ 15.59%
TVB	5.37	6.17	0.8	↑ 14.90%
MCP	35.05	40.10	5.1	↑ 14.41%

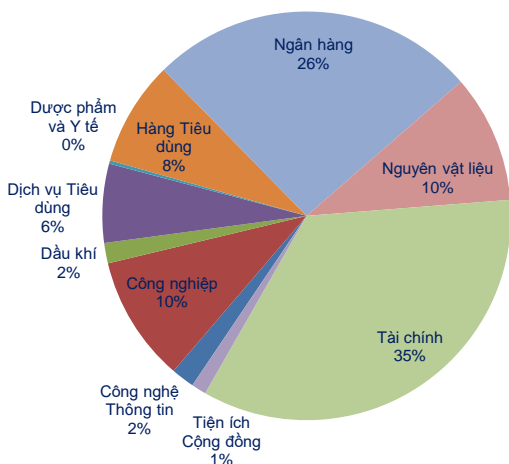
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BED	24.90	33.00	8.1	↑ 32.53%
NBW	22.50	28.60	6.1	↑ 27.11%
KTT	4.00	5.00	1.0	↑ 25.00%
HGM	36.00	44.00	8.0	↑ 22.22%
GIC	14.20	16.90	2.7	↑ 19.01%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VSC	29.30	20.25	-9.1	↓ -30.89%
FIR	13.65	11.10	-2.6	↓ -18.68%
ST8	23.00	19.50	-3.5	↓ -15.22%
PMG	10.00	8.48	-1.5	↓ -15.20%
ORS	17.45	15.30	-2.2	↓ -12.32%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VE3	11.80	8.20	-3.6	↓ -30.51%
BBS	13.00	10.40	-2.6	↓ -20.00%
QHD	36.50	30.20	-6.3	↓ -17.26%
VE1	4.10	3.60	-0.5	↓ -12.20%
HAD	16.40	14.40	-2.0	↓ -12.20%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị giao dịch tuần theo Ngành

Chuỗi PE ngành và thị trường

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	186,676,890	15.9%	2,036	5.9	0.9
VIX	137,529,600	8.2%	1,005	17.4	1.4
MBB	110,899,380	22.4%	4,290	5.1	1.2
SSI	104,987,202	8.9%	1,346	25.1	2.2
EIB	87,157,400	8.3%	1,013	19.1	1.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	79,308,064	5.4%	643	28.9	1.5
CEO	30,262,183	6.7%	955	23.0	1.8
HUT	23,788,978	0.8%	122	161.8	1.6
MBS	22,245,384	12.3%	1,334	17.7	2.0
MBG	18,138,306	2.6%	283	18.7	0.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HNA	↑ 20.5%	9.9%	1,384	17.3	1.7
HBC	↑ 19.3%	-146.3%	-7,611	-	6.8
VFG	↑ 15.6%	24.8%	7,079	5.4	1.3
TVB	↑ 14.9%	1.1%	105	54.7	0.6
MCP	↑ 14.4%	8.8%	1,392	26.9	2.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BED	↑ 32.5%	18.4%	2,430	12.3	2.2
NBW	↑ 27.1%	14.1%	2,324	11.5	1.7
KTT	↑ 25.0%	-22.9%	-2,585	-	2.5
HGM	↑ 22.2%	32.3%	5,000	8.0	2.5
GIC	↑ 19.0%	6.3%	1,246	12.4	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	12,234,443	3.0%	476	96.3	2.9
STB	9,130,028	17.5%	3,825	7.8	1.3
VPB	8,440,178	9.7%	1,466	13.3	1.2
HPG	7,452,691	1.9%	322	85.9	1.6
VCG	4,156,700	2.8%	516	48.0	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DL1	2,377,600	3.9%	501	8.6	0.3
SHS	787,296	5.4%	643	28.9	1.5
IDC	756,500	17.0%	3,177	16.1	3.0
MBG	299,800	2.6%	283	18.7	0.5
MBS	124,715	12.3%	1,334	17.7	2.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	509,166	22.6%	6,013	15.2	3.2
BID	270,771	17.6%	3,450	13.8	2.0
VHM	188,109	25.0%	9,468	4.6	1.0
GAS	172,945	19.0%	5,283	14.3	2.3
CTG	169,155	15.7%	3,377	9.3	1.2

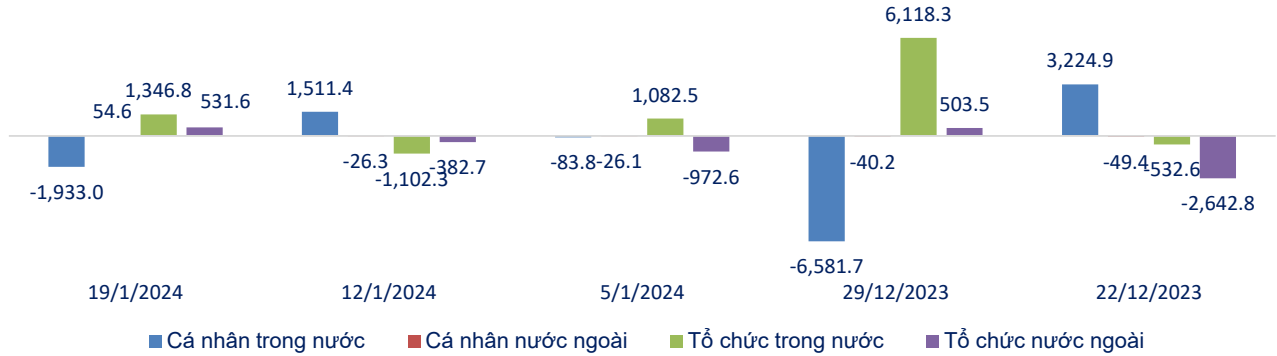
Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	17,733	6.7%	1,846	20.1	1.3
HUT	17,582	0.8%	122	161.8	1.6
IDC	16,863	17.0%	3,177	16.1	3.0
SHS	15,125	5.4%	643	28.9	1.5
THD	13,590	2.9%	460	76.8	2.2



GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	206.55	11.8%	1,818	13.0	1.5
VNM	188.84	24.4%	4,029	16.7	4.1
EIB	142.66	8.3%	1,013	19.1	1.3
HDG	112.07	9.7%	2,194	11.8	1.1
VND	104.70	7.8%	957	22.9	1.7

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-544.90	3.0%	476	96.3	2.9
STB	-438.44	17.5%	3,825	7.8	1.3
VPB	-329.01	9.7%	1,466	13.3	1.2
HPG	-260.55	1.9%	322	85.9	1.6
VCB	-243.08	22.6%	6,013	15.2	3.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	32.87	22.3%	4,815	19.9	4.3
MWG	15.85	3.0%	476	96.3	2.9
VNM	8.27	24.4%	4,029	16.7	4.1
STB	6.60	17.5%	3,825	7.8	1.3
VRE	6.25	11.8%	1,818	13.0	1.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-5.91	1.9%	322	85.9	1.6
VND	-3.75	7.8%	957	22.9	1.7
VIX	-3.69	8.2%	1,005	17.4	1.4
CTG	-3.36	15.7%	3,377	9.3	1.2
AST	-3.29	20.5%	2,316	24.6	4.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	200.82	8.2%	1,005	17.4	1.4
STB	165.22	17.5%	3,825	7.8	1.3
VPB	164.67	9.7%	1,466	13.3	1.2
FUEVFNDD	153.24	N/A	N/A	N/A	N/A
VCG	107.68	2.8%	516	48.0	1.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	-167.90	8.3%	1,013	19.1	1.3
CII	-87.38	0.8%	256	71.4	0.6
VND	-53.28	7.8%	957	22.9	1.7
BCM	-33.92	2.5%	432	139.7	3.5
VHM	-33.62	25.0%	9,468	4.6	1.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

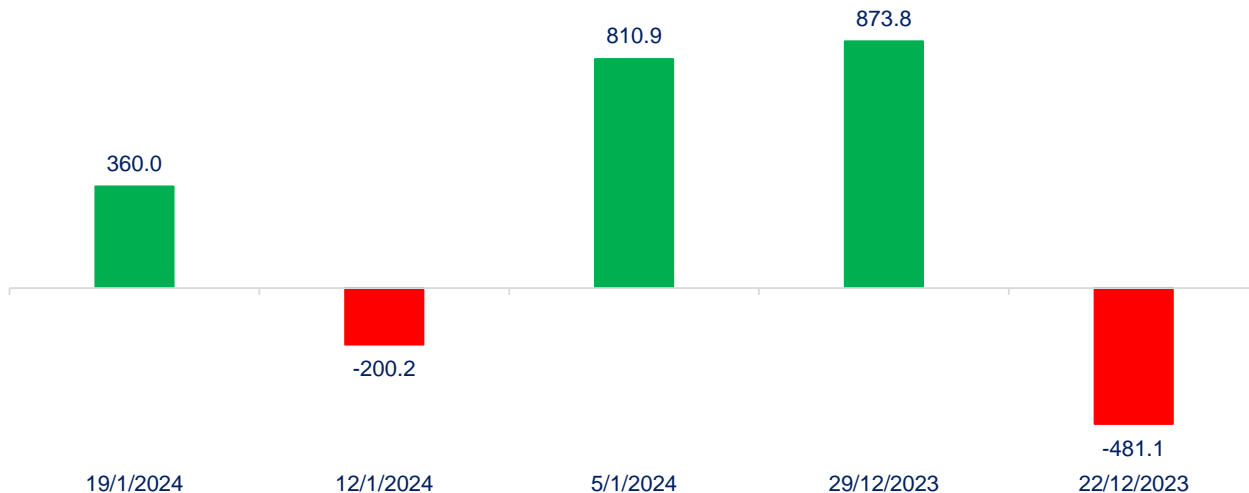
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	532.82	3.0%	476	96.3	2.9
STB	266.62	17.5%	3,825	7.8	1.3
HPG	212.67	1.9%	322	85.9	1.6
VCB	205.18	22.6%	6,013	15.2	3.2
VPB	158.25	9.7%	1,466	13.3	1.2

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

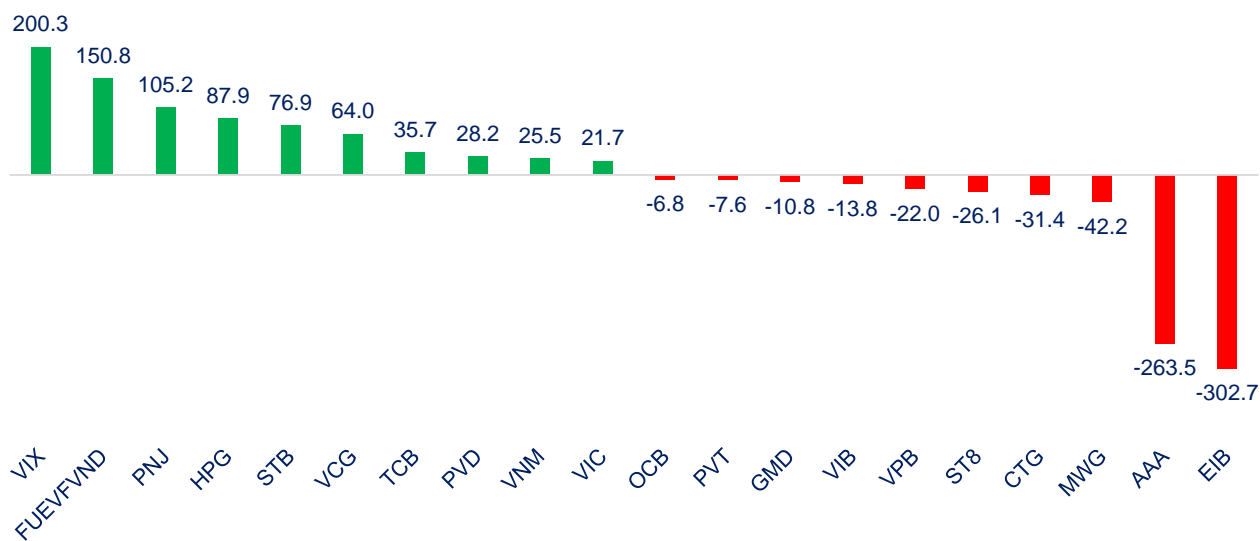
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	-267.95	11.8%	1,818	13.0	1.5
VNM	-228.32	24.4%	4,029	16.7	4.1
SSI	-171.13	8.9%	1,346	25.1	2.2
FUEVFNDD	-164.76	N/A	N/A	N/A	N/A
HDG	-115.79	9.7%	2,194	11.8	1.1



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
12/12/2023	19/1/2024	20/12/2023	19/12/2023	NSC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18/12/2023	19/1/2024	5/1/2024	4/1/2024	HC3	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26/12/2023	19/1/2024	4/1/2024	3/1/2024	SCS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29/12/2023	19/1/2024	8/1/2024	5/1/2024	DAD	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15/1/2024	19/1/2024	19/1/2024	19/1/2024	TTB	Chuyển Sàn
29/11/2021	22/1/2024	19/1/2024	19/1/2024	CRE	Niêm yết thêm
1/3/2022	22/1/2024	19/1/2024	19/1/2024	KSB	Niêm yết thêm
24/11/2023	22/1/2024	4/12/2023	1/12/2023	ECI	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/12/2023	22/1/2024	12/12/2023	11/12/2023	BTD	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19/12/2023	22/1/2024	29/12/2023	28/12/2023	QHD	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15/12/2023	22/1/2024	28/12/2023	27/12/2023	HDM	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29/12/2023	22/1/2024	12/1/2024	11/1/2024	KDC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/1/2024	22/1/2024	9/1/2024	8/1/2024	BSH	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/1/2024	22/1/2024	12/1/2024	11/1/2024	EME	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/12/2023	24/1/2024	27/12/2023	26/12/2023	CHP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29/12/2023	24/1/2024	11/1/2024	10/1/2024	HES	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
28/12/2023	24/1/2024	19/1/2024	19/1/2024	SDT	Tạm dừng Niêm yết
29/12/2023	24/1/2024	11/1/2024	10/1/2024	QNS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17/1/2024	24/1/2024	25/1/2024	24/1/2024	ASG	Phát hành cổ phiếu
12/12/2023	25/1/2024	28/12/2023	27/12/2023	TBC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/12/2023	25/1/2024	12/1/2024	11/1/2024	CMD	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28/12/2023	25/1/2024	15/1/2024	12/1/2024	NVL	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
3/1/2024	25/1/2024	15/1/2024	12/1/2024	HBC	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
3/1/2024	25/1/2024	15/1/2024	12/1/2024	NAV	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8/12/2023	26/1/2024	27/12/2023	26/12/2023	HTG	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/12/2023	26/1/2024	4/1/2024	3/1/2024	PTB	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19/12/2023	26/1/2024	29/12/2023	28/12/2023	M10	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15/12/2023	26/1/2024	3/1/2024	2/1/2024	ICN	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26/12/2023	26/1/2024	15/1/2024	12/1/2024	DHP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12/1/2024	26/1/2024	19/1/2024	18/1/2024	DPH	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
